

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Mục lục	Trang
Thông tin chung	3
Thông tin tổng quát.....	4
Quá trình phát triển.....	5
Các dịch vụ cung cấp	7
Mạng lưới hoạt động	8
Định hướng phát triển	8
Báo cáo của Ban Giám đốc	11
Diễn biến thị trường chứng khoán.....	12
Kết quả hoạt động kinh doanh.....	14
Tình hình tài chính.....	18
Cơ cấu cổ đông	22
Tổ chức và nhân sự	23
Kế hoạch phát triển	25
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	28
Đánh giá hoạt động kinh doanh.....	29
Hội đồng quản trị	29
Ban kiểm soát.....	30
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	31
Báo cáo tài chính	32





Thông tin chung

[Thông tin tổng quát](#)

[Quá trình phát triển](#)

[Dịch vụ của VinaSecurities](#)

[Mạng lưới hoạt động](#)

[Định hướng phát triển](#)



Thông tin tổng quát

Tên công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Tên giao dịch	VinaSecurities JSC
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	50/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006
Vốn điều lệ	185 tỷ đồng
Trụ sở chính	120 Pasteur, Quận 1, TPHCM
Điện thoại	+84 (8) 38219316
Fax	+84 (8) 38219312
Email	vnsc@vinasecurities.com
Website	www.vinasecurities.com



Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần chứng khoán Vina (“VinaSecurities”) được thành lập vào ngày 26 tháng 12 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 với vốn điều lệ là 45 tỷ đồng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2006, VinaSecurities được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quyết định số 50/UBCK-GPHĐKD có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và được phép kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tháng 3 năm 2009, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận cho rút bớt nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành, đồng thời được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.

Tháng 4 năm 2010, Tập Đoàn VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities. Tập Đoàn VinaCapital, công ty quản lý đầu tư lớn nhất tại Việt Nam, hiện đang quản lý hơn 1,7 tỉ USD giá trị tài sản.

Tháng 10 năm 2010, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng.

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, VinaSecurities đã thành công trong việc ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Macquarie Capital Securities Limited, một thành viên của tổ chức tài chính toàn cầu, Macquarie Group (Macquarie, ASX: MQG) theo đó cho phép khách hàng của Macquarie tiếp cận vào thị trường tài chính Việt Nam, một trong những thị trường phát triển nhanh nhất của Châu Á và cho phép khách hàng của VinaSecurities tiếp cận các thị trường tài chính toàn cầu hiện tại của Macquarie. Phạm vi ban đầu của thỏa thuận giúp cho khách hàng của Macquarie có thể nhận được các báo cáo nghiên cứu về cổ phiếu tập trung vào thị trường Việt Nam và thực hiện giao dịch cổ phiếu các công ty Việt Nam. Thỏa thuận cũng bao gồm thỏa thuận đối tác độc quyền giữa VinaSecurities và Macquarie về cung cấp các giao dịch trên thị trường vốn, mua bán và sáp nhập và các tư vấn tài chính khác.

Tháng 5 năm 2011, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội theo quyết định số 364/QĐ – UBCK.

Tháng 6 năm 2011, VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội theo quyết định chấp thuận số 457/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước.

Tháng 4 năm 2012, VinaSecurities bị Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.

Tháng 7 năm 2012, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận dời văn phòng đến địa điểm mới theo quyết định số 100/QĐ – UBCK.

Tháng 9 năm 2012, Tập Đoàn VinaCapital hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp cho các tổ chức khác và chính thức không còn là cổ đông của VinaSecurities.



Tháng 10 năm 2012, VinaSecurities được đưa ra khỏi diện kiểm soát đặc biệt theo quyết định số 850/QĐ-UBCK.

Tháng 2 năm 2013, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận dời văn phòng đại diện đến địa điểm mới theo quyết định số 59/QĐ – UBCK.

Tóm tắt các sự kiện

Thời gian	Sự kiện
12/2006	VinaSecurities được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán
3/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên lưu ký
5/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội
8/2007	VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
2/2008	Được chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng
10/2008	Được chấp thuận thành lập chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
3/2009	Được chấp thuận cho rút bớt nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán và VinaSecurities chính thức hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ
9/2009	VinaSecurities thay đổi trụ sở đặt tại TP Hồ Chí Minh và chi nhánh đặt tại Hà Nội
4/2010	VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities
10/2010	Được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng
10/2010	Ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện độc quyền với Công ty chứng khoán Macquarie Capital, thành viên của Tập đoàn Tài chính Toàn cầu Macquarie (MQG).
5/2011	VinaSecurities đóng cửa chi nhánh tại Hà Nội
6/2011	VinaSecurities thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
4/2012	VinaSecurities bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt
7/2012	VinaSecurities thay đổi địa điểm đặt trụ sở đặt tại TP Hồ Chí Minh
10/2012	VinaSecurities được đưa ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt
3/2013	VinaSecurities thay đổi địa điểm văn phòng đại diện tại Hà Nội



Các dịch vụ cung cấp

Các dịch vụ kinh doanh chính của VinaSecurities bao gồm dịch vụ môi giới chứng khoán, các dịch vụ chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, phân tích và tư vấn đầu tư.

Môi giới

Là một trong những nhà môi giới không có hoạt động tự doanh ở Việt Nam, VinaSecurities cung cấp những dịch vụ không mâu thuẫn lợi ích cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

VinaSecurities cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán như lưu ký chứng khoán, quản lý số cổ đông, phục vụ đối tượng khách hàng là các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Dịch vụ môi giới đa ngôn ngữ của VinaSecurities được thị trường đón nhận nhờ các dịch vụ vượt trội dựa trên hiểu biết sâu rộng của chúng tôi về kinh tế Việt Nam. Với lợi thế về các mối quan hệ rộng khắp, VinaSecurities cung cấp cho khách hàng những đánh giá và nghiên cứu và nhận định về thị trường kịp thời, các dịch vụ môi giới nhanh chóng và các sản phẩm mới phong phú- tất cả nhằm mục đích giúp khách hàng đạt lợi nhuận kỳ vọng.

Tài Chính Doanh Nghiệp

VinaSecurities cung cấp dịch vụ Tài Chính Doanh Nghiệp trong 4 lĩnh vực chính:

Thị trường Vốn (ECM)

- Tư vấn cổ phần hóa
- Chào bán chứng khoán lần đầu cho công chúng và chào bán lần sau
- Giao dịch chứng khoán với khu vực tư nhân
- Các cơ cấu liên quan đến vốn sở hữu chủ

Mua bán và sáp nhập công ty (M&A)

- Tư vấn việc mua bán và sáp nhập công ty (M & A) xuyên quốc gia
- Tư vấn cho đối tượng trong nước

Thị trường Vốn Nợ (DCM)

- Trái phiếu
- Cơ cấu tài chính
- Tài trợ dự án

Tư vấn cho doanh nghiệp

- Tư vấn chiến lược
- Tái cấu trúc công ty
- Mua lại công ty theo cơ chế đòn bẩy tài chính

VinaSecurities là công ty chứng khoán đầu tiên được Việt Nam cấp phép bảo lãnh phát hành chứng khoán huy động vốn vay và chứng khoán vốn. Bộ Phận Tài Chính Doanh Nghiệp VinaSecurities, với vai trò tư vấn cho cả bên bán và bên mua, đã thực hiện nhiều hợp đồng quan trọng tại Việt Nam, bao gồm tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Tập đoàn Điện



lực Việt Nam (EVN), tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - SATRA, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Tập đoàn Hòa Phát, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Công ty CP Đầu Tư Nam Long, công ty Kính Đô, Tư vấn giao dịch chuyển nhượng vốn cho Khách Sạn Hilton Hà Nội và tư vấn bán cổ phần bệnh viện Hoàn Mỹ.

Nghiên cứu Phân tích

Đội ngũ nghiên cứu phân tích của VinaSecurities cung cấp các sản phẩm nghiên cứu phân tích sâu sắc và khách quan nhằm giúp khách hàng có những quyết định đầu tư hiệu quả.

Mạng lưới hoạt động

VinaSecurities hoạt động ở thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với các văn phòng như sau:

Trụ sở chính

Địa chỉ: **120 Pasteur, Quận 1, TPHCM**

Điện thoại: **+84 (8) 38219316**

Fax: **+84 (8) 38219312**

Văn phòng đại diện Hà Nội

Địa chỉ: **Tầng 5, 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Điện thoại: **+84 (4) 39388846**

Fax: **+84 (4) 33988737**

Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong thị trường trong nước. VinaSecurities hiện đang xây dựng và củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc hướng đến khách hàng là các tổ chức trong và ngoài nước, nhóm khách hàng mà các công ty môi giới trong nước chưa quan tâm phục vụ tốt, cũng như là các nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp.



Định hướng của Công ty là trở thành đối tác, lựa chọn của nhà đầu tư mong muốn tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc cung cấp cho khách hàng các dịch vụ đa dạng, phân tích chuyên sâu và các giải pháp hiệu quả cao trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

VinaSecurities quyết tâm áp dụng các chuẩn mực quốc tế về tuân thủ luật pháp trong hoạt động hàng ngày của công ty. Mục đích của VinaSecurities là tạo niềm tin, sự tin cậy đối với khách hàng cũng như nhận được sự tin nhiệm từ phía khách hàng, từ đó tạo thuận lợi cho quan hệ giao dịch lâu dài với khách hàng. VinaSecurities đảm bảo các vấn đề sau đây sẽ được giám sát chặt chẽ nhằm tuân thủ các quy định hiện hành:

- Trách nhiệm đối với nhân viên
- Giao dịch tài khoản cá nhân
- Trách nhiệm pháp lý
- Ghi chép sổ sách
- Thao túng thị trường
- Giao dịch nội gián
- Hướng dẫn tiếp thị
- Hướng dẫn phân tích chứng khoán
- Đánh giá năng lực của đối tác tiềm năng

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong thị trường trong nước. Để đạt được mục tiêu này, VinaSecurities hướng hoạt động kinh doanh của mình theo các nguyên tắc sau:

- Lợi ích của khách hàng được ưu tiên hàng đầu
- Lợi thế cạnh tranh của VinaSecurities là đội ngũ nhân viên
- VinaSecurities luôn luôn nỗ lực tối đa đáp ứng nhu cầu khách hàng hơn mức mong đợi
- Đổi mới và hiện đại là biện pháp duy nhất để tồn tại. Để đạt được mức độ tiên tiến cao, VinaSecurities liên tục thu hút, trọng dụng và khích lệ đội ngũ nhân viên.
- Trung thực và thành thật là nguyên tắc nền tảng của hoạt động kinh doanh của VinaSecurities. Mọi nhân viên của VinaSecurities luôn duy trì chuẩn mực đạo đức cao trong mọi công tác hàng ngày.
- Lợi dụng và trục lợi thông tin là tuyệt đối cấm tại VinaSecurities.
- Hoạt động của VinaSecurities mang tính cạnh tranh cao, nhưng VinaSecurities luôn thể hiện tinh thần cạnh tranh lành mạnh, tuyệt đối không xúc phạm thanh danh của các công ty khác.



- Xây dựng đội ngũ chuyên gia kỹ cựu thuộc các lĩnh vực kinh doanh, giao dịch, phân tích và đầu tư chứng khoán, tài chính doanh nghiệp.
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa tập quán quốc tế và kiến thức thị trường nội địa.
- Chăm sóc và nâng cao tinh thần, vật chất đối với lực lượng lao động của Công ty.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định ngành.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Báo cáo của Ban Giám đốc

Diễn biến thị trường chứng khoán

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Tổ chức và nhân sự

Kế hoạch phát triển



Diễn biến thị trường chứng khoán

Tổng kết thị trường chứng khoán trong năm 2014

Năm 2014 tiếp tục là một năm tăng điểm nữa của thị trường chứng khoán kể từ năm 2012 khi chỉ số VN Index tăng từ mức 506,4 điểm vào đầu năm lên 545,6 điểm vào cuối năm, tăng 8,12% so với năm 2013, trong khi đó trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-index tăng 22,31% đóng cửa ở mức 82,98 điểm. Đây là năm tăng điểm mạnh nhất mà thị trường chứng khoán từng chứng kiến kể từ năm 2009. Chỉ số mã blue chip VN30 tăng từ mức 562 điểm lên 601,7 điểm vào cuối năm. Tổng mức vốn hóa thị trường đạt 1.122 ngàn tỷ đồng, có mức tăng trưởng 18%/năm so với năm 2013 và bằng khoảng 32% GDP.

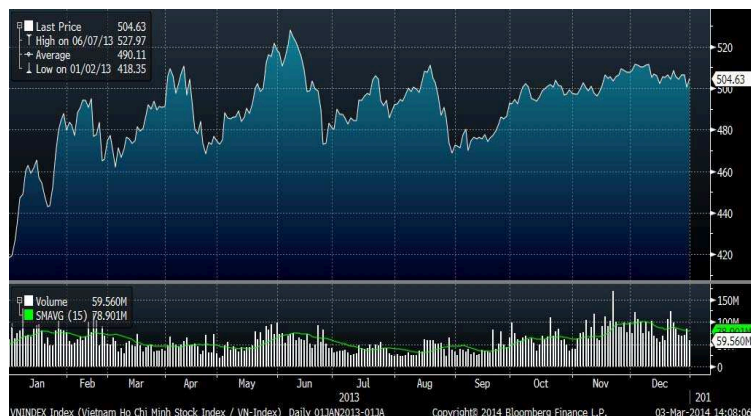
Mặc dù kết thúc năm 2014 với mức điểm tăng hơn so với năm ngoài, trong năm 2014 thị trường chứng khoán đã chứng kiến sự biến động mạnh. Trong quý 1, thị trường tăng trưởng mạnh với thanh khoản được cải thiện chủ yếu do sự phục hồi và ổn định của nền kinh tế. Bước qua quý 2, thị trường quay đầu sự sụt giảm mạnh do ảnh hưởng của tình trạng nợ xấu trong hệ thống tín dụng và tâm lý lo ngại trước sự kiện Biển Đông. Với sự ổn định của các yếu tố kinh tế, thị trường dần khắc phục tuy nhiên lại sụt giảm vào cuối quý 4 do ảnh hưởng của sự giảm giá dầu thế giới và việc ban hành các quy định kiểm soát chặt chẽ hệ thống tín dụng. Việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng đã và sắp diễn ra, cùng với sự tham gia của VMAC trong việc xử lý các khoản nợ xấu đã giúp giữ các ngân hàng thương mại trong hình ảnh tích cực, góp phần duy trì ổn định hệ thống ngân hàng, nền kinh tế nói chung và củng cố cam kết của Việt Nam đối với việc thay đổi nền kinh tế hơn nữa trong các năm tới.

Đầu tư nước ngoài đóng vai trò then chốt vào sự thành công của thị trường chứng khoán Việt Nam, dòng vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài chảy vào thị trường chứng khoán ngày càng gia tăng. Số lượng các nhà đầu tư nước ngoài được cấp mã số giao dịch chứng khoán tăng 15% từ 728 mã (291 tổ chức và 437 cá nhân) trong năm 2013 lên 839 mã trong năm 2014 (gồm 317 tổ chức và 522 cá nhân). Do ảnh hưởng của thị trường, nhà đầu tư nước ngoài cũng đã có động thái bán ròng trong các quý 1 và quý 3. Tổng kết cả năm 2014, khối ngoại chỉ mua ròng 3.747 tỷ đồng, giảm 43,9% so với năm ngoài.

Diễn biến chỉ số VNIndex trong năm:



Source Bloomberg

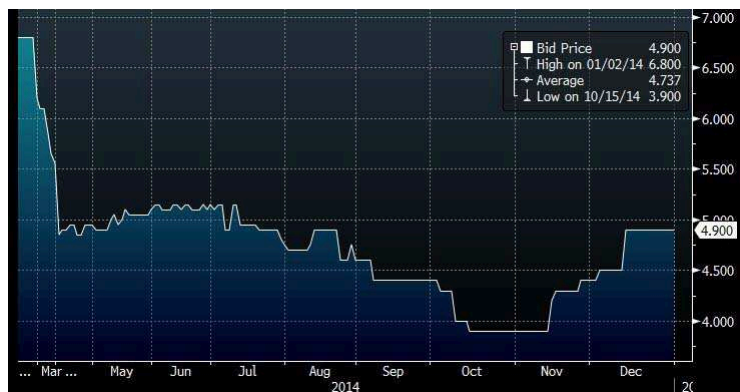


Source Bloomberg

Thị trường trái phiếu

Thị trường trái phiếu của Việt Nam trong năm 2014 có khối lượng huy động tổng cộng 263.242 tỷ đồng (2013: 226.892 tỷ đồng), giảm 16%/năm và giá trị giao dịch tổng cộng là 640.650 tỷ đồng (2013: 476.544 tỷ đồng), tăng 34% so với cùng kỳ năm ngoái. Tăng trưởng của giá trị giao dịch chủ yếu là do xu hướng giảm lợi suất trái phiếu và mặt bằng lãi suất nổi chung.

Vietnam Govt. Benchmark Index 2014:



Source Bloomberg



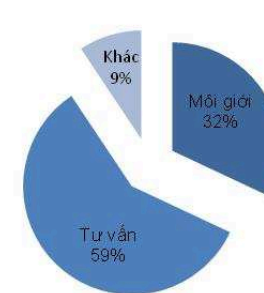
Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu

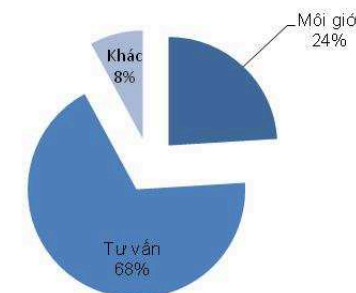
	2014	2013
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.689	3.094
Doanh thu hoạt động tư vấn	10.432	8.762
Doanh thu khác	1.669	1.019
Tổng cộng	17.790	12.875

Kết thúc năm tài chính 2014, VinaSecurities đạt được hơn 17 tỷ đồng doanh thu, do tác động bởi biến động mạnh của thị trường chứng khoán trong suốt năm 2014 và sự ổn định được duy trì của nền kinh tế. Mức doanh thu này chủ yếu bao gồm doanh thu Môi giới đạt gần 6 tỷ đồng, doanh thu tư vấn đạt 10 tỷ đồng và doanh thu khác đạt 1.7 tỷ đồng. Nhìn chung, doanh thu năm 2014 tăng 38% so với doanh thu năm 2013 chủ yếu là do mảng dịch vụ môi giới tăng cả về số lượng và giá trị giao dịch.

Doanh thu 2014



Doanh thu 2013



Doanh thu tư vấn năm 2014 tăng 19% so với năm 2013 và chiếm tỷ trọng chủ yếu 59% trong tổng doanh thu của năm 2013 và giảm 9% so với tỷ trọng 68% của năm ngoái.

Mặc dù biến động mạnh trong suốt năm 2014, thị trường chứng khoán cũng có những giai đoạn tăng điểm trong đầu Quý 1 và đầu Quý 3, đã góp phần làm doanh thu hoạt động môi giới tăng 84% so với năm 2013, tăng 8% tỷ trọng trong tổng doanh thu từ 24% lên 32% tổng doanh thu năm 2014. Kết quả khả quan của hoạt động môi giới chủ yếu có nguyên nhân từ tăng trưởng giá trị giao dịch và khối lượng giao dịch toàn thị trường và của VinaSecurities cũng như từ sự tăng trưởng khách hàng so với năm ngoái. So với năm 2013, giá trị giao dịch



của khách hàng tăng 122% trong khi khối lượng giao dịch tăng mạnh 210%. Kết thúc năm 2013, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng tổ chức tăng 20% so với cuối năm 2013 và số lượng khách hàng mới này đóng góp 10% số lượng chứng khoán giao dịch, làm tăng 8% doanh thu của năm 2014.

Tương tự như doanh thu mỗi giới, doanh thu khác tăng 64% so với năm ngoái chủ yếu là do tăng doanh thu cho thuê tài sản. Tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu tăng từ 8% lên 9% trong năm 2014.

Hoạt động Tư Vấn Tài Chính

Hợp tác chiến lược độc quyền với Macquarie trong lĩnh vực tư vấn tài chính mà VinaSecurities ký kết vào tháng 10 năm 2010 đã mang đến cho VinaSecurities những thành công ban đầu trong năm 2011 và 2012. Tiếp nối thành công đáng chú ý nhất trong năm 2011 là việc hoàn thành hợp đồng cung cấp tư vấn cho bên bán trong giao dịch mua bán một loạt bệnh viện tư nhân Hoàn Mỹ ("HMC") hàng đầu ở Việt Nam, trong năm 2014 VinaSecurities vẫn tiếp tục triển khai tích cực các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn đầu tư vẫn tiếp tục duy trì với xu hướng tăng tích cực, trong năm 2014 doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư tăng 30% và đóng góp 26% doanh thu của mảng tư vấn.

Bộ phận tư vấn hiện tại với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm thực tế trong và ngoài nước có thể nói là một đội ngũ mạnh so với các công ty chứng khoán khác. Về mặt nghiệp vụ, đội ngũ tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng được Macquarie hỗ trợ trong việc đào tạo chuyên môn, bổ sung thêm các kỹ năng kiến thức chuyên sâu trong tư vấn tài chính doanh nghiệp để nâng cao nghiệp vụ, chất lượng các dịch vụ nhằm phù hợp với tình hình kinh tế trong thời gian tới.

Bộ phận tư vấn doanh nghiệp của VinaSecurities hiện cung cấp nhiều dịch vụ tư vấn tài chính bao gồm tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn niêm yết, tư vấn mua bán sáp nhập, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn chiến lược.

Hoạt động Môi giới

Mặc dù thị trường chứng khoán có biến động mạnh trong cả năm, giá trị giao dịch trên cả hai sàn tăng mạnh so với năm ngoái, đặc biệt số lượng cổ phiếu giao dịch tăng hơn 80% so với năm 2013. Hoạt động môi giới tại VinaSecurities trong năm 2014 đã có sự tăng trưởng khả quan hơn. Tổng khối lượng chứng khoán giao dịch tăng 210% so với năm 2013, song song đó giá trị giao dịch cũng tăng 122% so với năm 2013. Tương tự, khối lượng giao dịch của khách hàng tổ chức nước ngoài tăng 217% trong khi giá trị giao dịch tăng 118% so với năm 2013, góp phần tăng doanh thu của nhóm khách hàng này 79% so với năm 2013. Khối lượng giao dịch của nhóm khách hàng cá nhân nước ngoài tăng 51% trong khi giá trị giao dịch tăng 8% so với năm 2013 và góp phần tăng doanh thu của nhóm này 21% so với năm 2013.



Nhóm khách hàng trong nước năm nay có sự tăng trưởng đột biến khi khối lượng giao dịch tăng 138% và giá trị giao dịch tăng 446% so với năm 2013, góp phần làm tăng doanh thu của khách hàng trong nước 349% so với năm 2013.

Kể từ 2011, cơ cấu khách hàng của VinaSecurities có sự thay đổi tích cực theo đúng chiến lược đặt ra. Trong năm 2010, giao dịch của nhóm khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng 48% trong tổng giá trị giao dịch, giao dịch của nhóm khách hàng tổ chức chiếm tỷ trọng 52% tổng giá trị giao dịch. Đến năm 2014, tỷ trọng này tương ứng là 4% (2013: 2%) và 96% (2013: 98%). VinaSecurities đã từng bước củng cố và phát triển tập trung vào nhóm khách hàng tổ chức.

Cuối năm 2014 số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán giảm không đáng kể so với cuối năm 2013. Năm 2014 VinaSecurities vẫn mở được một số lượng đáng kể tài khoản của tổ chức nước ngoài. Số lượng tài khoản tổ chức nước ngoài tăng 20% so với cuối năm 2013. Mặc dù hướng tập trung vào nhóm khách hàng là các tổ chức tài chính, doanh nghiệp, VinaSecurities cũng theo đuổi nhóm khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có năng lực đầu tư tốt.

VinaSecurities đã tiến hành hợp tác P-Note và một nhóm các sản phẩm dành cho các cổ phiếu của công ty Việt Nam với Macquarie nhằm cung cấp cho nhà đầu tư nước ngoài, là những nhà đầu tư chưa có mã số giao dịch chứng khoán, kênh tiếp cận thị trường chứng khoán Việt Nam, cũng như phục vụ các khách hàng hiện có. Thêm vào đó, VinaSecurities cũng đẩy mạnh mảng dịch vụ qua đó giúp khách hàng tìm hiểu và tiếp cận các công ty Việt Nam, cụ thể VinaSecurities đã tổ chức hàng loạt cuộc tìm hiểu tiếp xúc thị trường, công ty Việt Nam cho các nhà quản lý quỹ hàng đầu trên thế giới trong lần đầu họ tiếp cận thị trường Việt Nam. Hội nghị nhà đầu tư ASEAN của Macquarie hàng năm là một thành công điển hình, qua đó, VinaSecurities là cầu nối cho các công ty công ty Việt Nam có cơ hội tham dự để giới thiệu về công ty của họ, về nhận định và cơ hội đầu tư với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư chuyên nghiệp nước ngoài.

VinaSecurities duy trì đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa công nghệ phần mềm giao dịch chứng khoán, nâng cao năng lực phục vụ khách hàng cũng như góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu trong năm cũng như các năm trong tương lai. Hệ thống giao dịch mới Invest Expert của TTL, một hệ thống core hiện đại ổn định đã hoạt động ổn định với nhiều tính năng mới.

Trong năm, VinaSecurities thực hiện nâng cấp tính năng của phần mềm, cụ thể trong việc kết nối hệ thống giao dịch với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) bao gồm: Infoshow5, Infogate, triển khai chỉ số HNX30, giao dịch ETF; và kết nối hệ thống giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) bao gồm: CTCI, PRS, INDEX_CLIENT, giao dịch ETF.

Nằm trong kế hoạch hiện đại hóa công nghệ, VinaSecurities tiếp tục xây dựng và triển khai website thế hệ mới với nhiều sự đổi mới như cung cấp đầy đủ thông tin các doanh nghiệp niêm yết, phân tích kỹ thuật, tra cứu lịch sử giá, dữ liệu thị trường, và nhiều tính năng hữu ích khác nhằm phục vụ tốt hơn các khách hàng.



Hoạt động Nghiên cứu phân tích

Đóng góp một phần đáng kể vào sự tăng trưởng và phát triển các dịch vụ của VinaSecurities phải kể đến hoạt động của bộ phận Nghiên cứu phân tích. Đội ngũ nhân viên phân tích hiện có là một trong những đội ngũ phân tích mạnh nhất thị trường với năng lực thể hiện như sau:

- Là công ty đầu tiên đưa ra các báo cáo với các khuyến nghị dựa trên các yếu tố thị trường để hỗ trợ nhà đầu tư chọn lựa chứng khoán.
- Là công ty đầu tiên phân tích chứng khoán với các dự báo từ 3 đến 5 năm nêu ra trong Báo cáo lãi & lỗ, Báo cáo dòng tiền mặt và Bản cân đối tài khoản.
- Là công ty đầu tiên thực hiện các bản tin nhanh tóm lược về các công ty niêm yết.
- Thực hiện các báo cáo phân tích chứng khoán toàn diện nhất tại Việt Nam.
- Việc phân tích chứng khoán dựa trên nền tảng của khả năng chuyên môn về định giá chứng khoán và mô hình tài chính doanh nghiệp vững chắc.

Đồng thời, bộ phận Nghiên cứu phân tích đặc biệt chú ý đến yếu tố chất lượng nhằm mang lại sản phẩm độc đáo "hiệu quả nhất trên thị trường" cho khách hàng.

Trong năm, hoạt động Nghiên cứu phân tích đã cung cấp các sản phẩm phân tích sau:

- Bản tin thị trường hàng ngày: cung cấp tóm tắt tình hình và xu hướng thị trường trong ngày cùng với bình luận của VinaSecurities.
- Báo cáo phân tích công ty: phân tích toàn diện và chuyên sâu các công ty niêm yết cũng như cập nhật các thông tin có liên quan ảnh hưởng đến các công ty này một cách thường xuyên.
- Báo cáo phân tích tình hình kinh tế vĩ mô: định kỳ hàng tháng phân tích tình hình kinh tế và ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán
- Bình luận kinh tế vĩ mô: bình luận các sự kiện kinh tế vĩ mô cụ thể
- Báo cáo phân tích chiến lược

The screenshot shows a research report from Macquarie Equities Research. The title is "Vietnam Dairy Products Emerging Asia's dairy cash cow". The report includes a table of financial data for Vietnam Dairy Products (VNM) and a line chart showing the company's performance from 2008 to 2011. The table lists various financial metrics such as Revenue, Earnings, and Market Cap. The chart shows a general upward trend in revenue and earnings over the period.

Năm 2011 đánh dấu năm đầu tiên trong hợp tác chiến lược với Macquarie Securities trong lĩnh vực Nghiên cứu phân tích. VinaSecurities đã đạt được nhiều thành tựu trong suốt năm qua. VinaSecurities cũng hợp tác với Macquarie xuất bản báo cáo chiến lược về thị trường mới nổi bao gồm Việt Nam, Bangladesh, Pakistan và Sri Langka và về cổ phiếu PVD, PNJ và một số cổ phiếu khác. Bên cạnh đó, trong tháng 8/2011, VinaSecurities cũng đã phát hành



báo cáo công ty đầu tiên dưới tên của VinaSecurities và Macquarie, được phân phối toàn cầu thông qua mạng lưới hoạt động của Macquarie.

Tiếp nối từ đó, hàng năm VinaSecurities vẫn tiếp tục mở rộng và phát hành thêm nhiều báo cáo nghiên cứu về nhiều công ty blue chip Việt Nam và phân phối cho các nhà đầu tư, tổ chức đầu tư chuyên nghiệp trên khắp thế giới.

Trong năm 2014, VinaSecurities đã phát hành các báo cáo nghiên cứu chuyên sâu, báo cáo Chiến lược và hàng loạt các báo cáo phân tích công ty bluechip Việt Nam.

Quản trị rủi ro

VinaSecurities đã thành lập bộ phận Quản trị Rủi Ro cũng như ban hành các chính sách và quy trình quản trị rủi ro theo quy định cũng như nhằm tăng cường kiểm soát các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động kinh doanh hàng ngày, giảm thiểu tổn thất và hướng đến phát triển bền vững.

Bên cạnh việc đầu tư cho hệ thống giao dịch ngày càng hiện đại, phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, VinaSecurities tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định nội bộ trong hoạt động Môi giới, tư vấn, nghiên cứu, công nghệ thông tin, tài chính kế toán, nhân sự nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ. Đây là một trong các yếu tố giúp VinaSecurities nâng cao chất lượng dịch vụ và kiểm soát được rủi ro.

VinaSecurities thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ các hoạt động của VinaSecurities như email, voice mail, điện thoại, quản lý khách hàng, quản lý hệ thống máy chủ, vv... nhằm tối đa hóa sử dụng, tăng cường tính năng động và ngăn chặn rủi ro.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

VinaSecurities kết thúc năm tài chính 2014 với kết quả lỗ 1,9 tỷ đồng so với kết quả lỗ 11,9 tỷ đồng của năm ngoái. Kết quả kinh doanh cải thiện một cách đáng kể chủ yếu có nguyên nhân chính từ việc tăng doanh thu tư vấn, doanh thu môi giới và doanh thu khác. Doanh thu tư vấn tăng 19% so với năm ngoái, cùng với doanh thu Môi giới tăng 84% so với năm 2013, đã đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh. Mặc dù còn nhiều khó khăn trong phát triển kinh doanh, hoạt động môi giới năm 2014 tiếp tục tăng trưởng mạnh hơn so với năm ngoái. Tăng trưởng số lượng khách hàng tổ chức cũng như là tăng trưởng doanh thu của các khách hàng cũ đã góp phần làm doanh thu Môi giới tăng trưởng mạnh trong năm 2014. Đây là điểm sáng trong hoạt động kinh doanh của VinaSecurities. Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay giảm 26% so với năm 2013.

Trong năm 2014, VinaSecurities đạt được mức lãi gộp 30% so với mức lỗ gộp 24% của năm 2013. Nhân tố chính của sự cải thiện này là chi phí hoạt động trong năm đã giảm 22% trong khi doanh thu tăng 38% so với năm ngoái. Lỗ ròng năm 2014 giảm đáng kể 82% so với năm 2013, từ mức lỗ ròng 106% xuống mức lỗ ròng 11% trong năm 2014. Nguyên nhân



chủ yếu là do doanh thu năm 2014 tăng đáng kể trong khi tổng chi phí hoạt động kinh doanh đã giảm 26% so với năm ngoái. Tổng chi phí giảm 26% so với năm 2013 trong đó chi phí hoạt động kinh doanh giảm 22% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 31% so với năm 2013.

Năm 2014, Vinasecurities tiếp tục việc cắt giảm chi phí, kết quả là chi phí thuê văn phòng giảm 14% so với năm 2013, chi phí nhân viên giảm 21%, chi phí khấu hao giảm 36%, và chi phí các dịch vụ mua ngoài cũng giảm 26% so với năm 2013.

Tổng kết tình hình tài chính trong năm 2014

	Đvt: triệu đồng		
	2014	2013	% tăng/giảm
Tổng tài sản	23.547	26.331	-11%
Doanh thu thuần	17.790	12.875	38%
Lỗ/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1.930	-13.652	-86%
Thu nhập khác	10	1.724	-99%
Tổng chi phí	19.720	26.527	-26%
Lợi nhuận /(Lỗ) trước thuế	-1.919	-11.929	-84%
Lợi nhuận /(Lỗ) sau thuế	-1.919	-11.929	-84%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

Tình hình tài sản và công nợ

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm đạt 23.5 tỷ đồng, giảm 11% so với năm 2013 chủ yếu tài sản ngắn hạn giảm 19% và tài sản ngắn hạn giảm 10% so với năm ngoái. Trong năm 2014, các khoản phải thu tăng nhẹ 17% so với năm ngoái. Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 9% so với cuối năm ngoái chủ yếu do các chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý trong năm.

Tài sản dài hạn giảm 12% so với năm 2013, cụ thể giảm từ 6.5 tỷ xuống còn 5.7 tỷ chủ yếu có nguyên nhân từ việc khấu hao tài sản cố định.

Nợ phải trả giảm 13% so với năm 2013, giảm từ 6.4 tỷ xuống còn 5.5 tỷ vào cuối năm 2013. Các khoản nợ tại thời điểm cuối năm là nợ các nhà cung cấp dịch vụ, chủ yếu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh bình thường hàng ngày.

	Đvt: triệu đồng		
	2014	2013	% tăng/giảm
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn	17.774	19.784	-10%
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.037	17.613	-9%



	Đvt: triệu đồng		
	2014	2013	% tăng/giảm
Các khoản phải thu	1.473	1.263	17%
Tài sản ngắn hạn khác	265	908	-71%
Tài sản dài hạn	5.773	6.547	-12%
Tài sản cố định	3.544	4.376	-19%
Tài sản dài hạn khác	2.228	2.171	3%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	23.547	26.331	-11%
NGUỒN VỐN			
Nợ phải trả	5.595	6.460	-13%
Nguồn vốn chủ sở hữu	17.952	19.871	-10%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	23.547	26.331	-11%

Chỉ tiêu tài chính cơ bản

Cơ cấu Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 24,53% xuống 23,76% vào cuối năm 2014, cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu khá tốt theo đó vốn chủ sở hữu cao gấp 3 lần tổng nợ.

Khả năng thanh toán trong năm 2014 có cải thiện so với năm 2013, theo đó khả năng thanh toán nhanh trong năm 2014 tăng từ 2,73 lần lên 3,13 lần.

Các tỷ số sinh lời vẫn không tốt do kết quả kinh doanh lỗ trong năm 2014 tuy nhiên có xu hướng giảm đáng kể so với năm ngoái.

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2013
Cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/tổng tài sản	%	24,52	24,86
Tài sản lưu động/tổng tài sản	%	75,48	75,14
Cơ cấu vốn			
Nợ/tổng nguồn vốn	%	23,76	24,53
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	76,24	75,47
Khả năng thanh toán			
Tổng tài sản/nợ phải trả	Lần	4,21	4,08
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,18	3,06
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,13	2,73
Tỷ suất sinh lời			



Chi tiêu	ĐVT	2014	2013
Lãi/(Lỗ) thuần/doanh thu thuần	%	-10,79	-81,71
Lãi/(Lỗ) thuần/tổng tài sản	%	-8,15	-45,30
Lãi/(Lỗ) thuần/vốn chủ sở hữu	%	-9,66	-60,03



Cơ cấu cổ đông

Số lượng cổ phần

Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn cổ phần của VinaSecurities là 185 tỷ đồng, chia thành 18.500.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) với chi tiết như sau:

Stt	Diễn giải	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	18.500.000	100 %
2	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	0%
	Tổng cộng	18.500.000	100 %

Cơ cấu cổ đông

Trong năm 2014, không có sự thay đổi lớn trong cơ cấu cổ đông của VinaSecurities.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Stt	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng số lượng cổ phần phổ thông	18.500.000	100 %
	Cổ đông sáng lập	0	0%
	Cổ đông lớn	18.500.000	100%
	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	0	0 %
2	Trong đó		
	Cổ đông Nhà nước	0	0%
	Cổ đông trong nước	9.435.000	51%
	Cổ đông nước ngoài	9.065.000	49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2014, không có đợt tăng vốn cổ phần nào phát sinh bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2014 không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

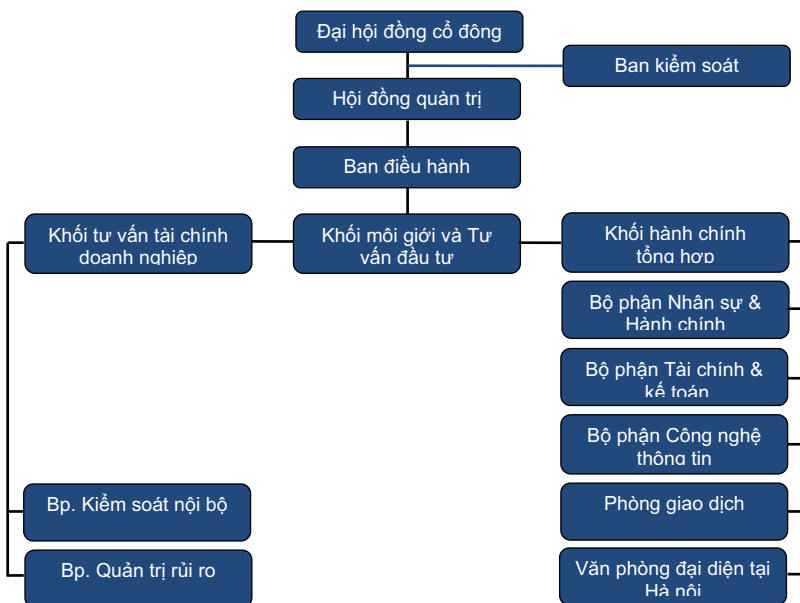
Cổ tức/lợi nhuận chia cho các cổ đông

Trong năm 2014, VinaSecurities không thực hiện chia cổ tức cho năm 2013.



Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức



Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc của VinaSecurities gồm có các thành viên sau:

Horst F Geicke	Chủ tịch HĐQT
Lâm Thị Tố Nga	Tổng Giám đốc

Ông Horst F. Geicke, quốc tịch Đức, là một trong ba cổ đông sáng lập và đã từng là chủ tịch Hội đồng quản trị của Tập đoàn VinaCapital từ năm 2003 đến 2011. Ông cư ngụ tại Hongkong từ năm 1981 và tại Việt nam từ năm 2002. Tại Việt Nam, ông Geicke là Chủ tịch điều hành của Euro Auto BMW Vietnam, Giám đốc điều hành của VinaSecurities và là thành viên Hội đồng quản trị của Metropole Hotel Hà Nội. Ông Geicke đồng thời là cổ đông sáng lập của PAG, một Công ty quản lý tài sản thay thế độc lập lớn nhất khu vực có trụ sở chính tại Hồng Kông. Ông là Chủ tịch Phòng thương mại Hongkong-Vietnam, chủ tịch Phòng thương mại Đức tại Hồng Kông và nguyên chủ tịch Phòng thương mại Châu Âu tại Hồng



Kông. Ông Geicke có bằng Thạc sỹ Luật Kinh tế và Kinh doanh của Đại học Hamburg tại Đức.

Bà Lâm Thị Tố Nga có quốc tịch Việt Nam, có gần 10 năm kinh nghiệm trong vai trò kiểm toán viên tại công ty Arthur Andersen và KPMG, cung cấp dịch vụ cho nhiều công ty đa quốc gia và trong nước thuộc nhiều lĩnh vực. Trước khi gia nhập VinaSecurities, Bà Nga là Giám đốc Tài chính tại CTCP Chứng Khoán Sen Vàng. Bà Nga tốt nghiệp Cử Nhân Kế Toán và Kiểm Toán tại Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh và Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh về Tài Chính Doanh Nghiệp. Bà Nga còn là thành viên Hiệp Hội Kiểm Toán Viên Công Chứng Việt Nam, thành viên Hiệp Hội Kế Toán và Kiểm Toán Viên Công Chứng Vương Quốc Anh.

Các thành viên Ban Giám Đốc được hưởng thu nhập bao gồm tiền lương, tiền thưởng và chế độ bảo hiểm như mọi nhân viên làm việc tại VinaSecurities, ngoài ra không có quyền lợi gì khác.

Chính sách nhân sự

Tuyển dụng

Chiến lược phát triển khách hàng của VinaSecurities tập trung vào các nhà đầu tư, do vậy các báo cáo phân tích và nhận định thị trường, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đòi hỏi cần có một đội ngũ có chuyên môn sâu và rộng, đồng thời có khả năng giao tiếp và viết tiếng Anh lưu loát do vậy VinaSecurities đã gặp không ít khó khăn trong việc tuyển dụng những nhân tài có đầy đủ chuyên môn và khả năng ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

Nhằm nâng cao tính cạnh tranh và thu hút nhân tài, VinaSecurities luôn xem xét tính thỏa mãn nhu cầu người lao động lên hàng đầu. Ngoài việc đáp ứng các nhu cầu tối thiểu, VinaSecurities còn thiết lập một cơ chế thăng tiến trong nghề nghiệp rất rõ ràng, bao gồm các tiêu chí đánh giá và phát triển một cách công bằng, kịp thời.

Chính sách nhân sự

VinaSecurities luôn luôn lắng nghe ý kiến đóng góp của người lao động về việc cải tiến môi trường làm việc, văn hóa doanh nghiệp, quan hệ lãnh đạo và đồng nghiệp.

Ngoài việc hưởng tiền lương hấp dẫn, chế độ phép năm tốt, tiền thưởng cuối năm, VinaSecurities còn có chính sách chăm sóc sức khỏe người lao động bằng cách mua gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cao cấp cho cả người lao động và vợ/chồng con của người lao động. Toàn bộ nhân viên VinaSecurities được hưởng đầy đủ các chính sách bảo hiểm bắt buộc theo luật định như bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe tự nguyện do VinaSecurities mua theo chương trình bảo hiểm Vietnam Care của Bảo Việt và Gras Savoye Will Vietnam.

Đào tạo

Chính sách đào tạo và phát triển nhân tài tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện và môi trường làm việc thoải mái để nhân viên có cơ hội kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Thời gian và không gian làm việc linh hoạt là một nét văn hóa điển hình được Công ty áp dụng nhằm mang lại tính chủ động trong công việc cho nhân viên.



Kế hoạch phát triển

Các dự báo chính trong năm 2015

Tổng sản phẩm quốc nội ròng (“GDP”) dự báo tăng trưởng 6,2% trong năm 2015, sự ổn định của nền kinh tế tiếp tục được duy trì với xu hướng tốt hơn. Lạm phát được tiếp tục kiểm soát tốt, tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức 13% -15% và lạm phát dự báo khoảng 3,5% - 3,7% là mục tiêu đề ra của Ngân hàng Nhà nước. Dựa trên những chính sách tuyên bố bởi Chính phủ gần đây cho thấy, Chính phủ sẵn sàng đạt được các mục tiêu này bằng cách sẽ tiếp tục giữ chính sách thắt chặt tiền tệ, nhưng cho phép tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng nhằm khôi phục từng bước nền kinh tế. Ngân hàng Nhà nước nỗ lực giám sát việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng nhằm đảm bảo sự ổn định tài chính tiền tệ trong nền kinh tế tiếp tục được duy trì.

Đẩy mạnh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước cùng với xu hướng đầu tư nước ngoài là yếu tố được mong đợi trong năm 2015. Song song đó, việc cải cách đổi mới thị trường chứng khoán là những nhân tố chính của năm 2015. Tuy nhiên quan điểm thận trọng vẫn cần duy trì về sự cần thiết để các ngân hàng tăng vốn để trở thành các ngân hàng nhóm 1 mặc dù vấn đề nợ xấu vẫn đang diễn ra trong hệ thống rộng lớn hơn.

Đối với thị trường chứng khoán, thị trường Việt Nam đã phục hồi với chỉ số P/E thực ở mức 13 lần. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng dự kiến khoảng 10-15% cho thu nhập năm 2015, và lạm phát sẽ tiếp tục được kiểm soát ở mức thấp. Trên cơ sở đó kỳ vọng hợp lý là chỉ số VN-Index sẽ giao dịch ở mức 650 điểm vào cuối năm 2014, và xa hơn nữa nếu chính sách kinh tế thận trọng được giữ nguyên và tiền đồng Việt Nam được giữ ở mức ổn định không điều chỉnh quá 2%.

Kế hoạch phát triển

Kể từ năm 2011, VinaSecurities tiếp tục theo đuổi chiến lược kinh doanh chủ yếu tập trung vào khối khách hàng tổ chức và nhà đầu tư cá nhân nước ngoài. Không áp dụng việc dùng đòn bẩy tài chính, hoặc áp dụng các dịch vụ hỗ trợ đầu tư có tính rủi ro lớn, nhưng đem lại lợi nhuận thấp. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với Macquarie.

Song song, VinaSecurities không ngừng cải tiến và tái cấu trúc mô hình quản lý nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Chiến lược Tư Vấn Tài Chính

Dựa trên hợp tác độc quyền với Macquarie, VinaSecurities đã điều chỉnh trọng tâm các hoạt động tư vấn tài chính theo hướng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho thị trường trong và ngoài nước, tư vấn phát hành nợ quốc tế và phát hành vốn ở nước ngoài. VinaSecurities, với sự hợp tác tích cực từ hệ thống ngân hàng đầu tư quốc tế của Macquarie, xây dựng hoạt động kinh doanh và quan hệ kinh doanh rộng rãi với các tổ chức chính phủ, các tập đoàn kinh tế lớn cũng như là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhu cầu vốn quốc tế.



Bộ phận Tư Vấn Tài Chính của VinaSecurities trong thời gian gần đây đã thay đổi một cách cơ bản theo cấu trúc quản lý ít cấp bậc hơn, rộng hơn và hướng theo doanh thu với trọng tâm đặt vào 6 mảng chính gồm bất động sản, tài chính và bảo hiểm, hạ tầng cơ sở, công nghiệp, tài nguyên khoáng sản và TMET (điện thoại, truyền thông, giải trí và công nghệ).

Với nhu cầu vốn đầu tư to lớn của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân để tiếp tục thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong các năm sắp tới, VinaSecurities hiện đang có lợi thế tốt trong việc hỗ trợ nhu cầu mua bán sáp nhập ngày càng tăng cũng như việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính trong những năm sắp tới.

Bộ phận Tư Vấn Tài Chính của VinaSecurities tập trung theo chiến lược tìm kiếm và phục vụ các doanh nghiệp niêm yết và doanh nghiệp tư nhân hàng đầu, có quy mô lớn trong các ngành chiến lược như lĩnh vực Hàng Tiêu dùng, Nông nghiệp, Năng lượng, Tài chính, Thông tin Truyền thông.

VinaSecurities cũng không ngừng gia tăng mối quan hệ với các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm nắm bắt nhu cầu đầu tư cũng như lắng nghe những yêu cầu chuyên biệt của từng nhà đầu tư trong thị trường. Từ đó, bộ phận Tư Vấn Tài Chính đưa ra những khách hàng và dịch vụ mục tiêu chú trọng nhằm đưa đến những cơ hội đầu tư tốt nhất và phù hợp nhất với nhu cầu của các nhà đầu tư.

Chiến lược Môi giới

VinaSecurities hiện đang xây dựng và củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc hướng đến khách hàng là các tổ chức trong và ngoài nước, nhóm khách hàng mà các công ty môi giới trong nước chưa quan tâm phục vụ tốt, cũng như là các nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp.

VinaSecurities nhằm đến gia tăng thị phần môi giới lên 5% giá trị giao dịch nước ngoài và đẩy mạnh dịch vụ tiếp cận thị trường trong các năm tới.

Khách hàng cá nhân trong nước: Với hệ thống giao dịch hiện đại, phân tích chứng khoán chất lượng hàng đầu, tuân thủ qui trình nội bộ theo chuẩn mực quốc tế và dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp, VinaSecurities hướng đến mục đích thu hút và có được quan hệ giao dịch lâu dài với khách hàng chuyên nghiệp nghiêm túc, có năng lực đầu tư.

Khách hàng nước ngoài: Nhiều phương thức sẽ được triển khai để khách hàng tiềm năng chú ý đến dịch vụ chất lượng của VinaSecurities như: liên lạc trực tiếp, quảng cáo phát hành rộng rãi, chương trình tiếp thị thông qua dịch vụ mạng, các báo cáo về lĩnh vực chứng khoán, gặp gỡ tiếp cận khách hàng.

Khách hàng công ty có mặt tại Việt Nam: Nhiều quỹ đã mở tài khoản tại các nhà môi giới mà không có kinh nghiệm thực hiện dịch vụ cho các tổ chức quốc tế. Do vậy, mức độ phục vụ kém và khách hàng không hài lòng. Để tạo thị phần, VinaSecurities sẽ thực hiện dịch vụ cho các khách hàng này một cách thường xuyên bằng cách tạo điều kiện cho khách tiếp cận các báo cáo phân tích chứng khoán, ý tưởng giao dịch và gặp gỡ ban giám đốc công ty.



Khách hàng công ty không có mặt tại Việt Nam: VinaSecurities nhắm đến các công ty quản lý quỹ điều hành các khoản tiền lớn và có thể hưởng lợi bằng việc tham gia thị trường Việt Nam.

VinaSecurities cung ứng dịch vụ môi giới khảo sát và tiếp cận thị trường cho các khách hàng mới cũng như khách hàng hiện tại. Thêm vào đó, VinaSecurities phát triển dịch vụ tiếp cận thị trường và chủ trì các cuộc tìm hiểu thị trường của các nhà quản lý tài sản hàng đầu trong các cuộc tìm hiểu lần đầu thị trường Việt Nam của họ.

Hướng đến thu hút khách hàng và phát triển hoạt động môi giới, VinaSecurities xúc tiến việc triển khai các dịch vụ tài chính hỗ trợ khách hàng kinh doanh chứng khoán. Đồng thời, cũng là bước tiếp trong quá trình hiện đại hóa công nghệ thông tin, hệ thống giao dịch, VinaSecurities đang xúc tiến làm việc với đối tác để có thể cung cấp giao dịch trực tuyến tích hợp với các trang thông tin tài chính ví dụ như Bloomberg, cũng như cung cấp các dịch vụ chứng khoán trực tuyến qua internet.

Nghiên cứu Phân tích

Bên cạnh những sản phẩm hiện có, VinaSecurities có kế hoạch cung cấp thêm các sản phẩm phân tích như phân tích ngành, phân tích chiến lược đầu tư chuyên sâu và thường xuyên hơn. Tập trung đa dạng hóa các báo cáo phân tích thị trường và cung thông tin chuyên sâu nhằm hỗ trợ lợi ích các nhà đầu tư.

Đồng thời tiếp tục phát hành thêm nhiều các báo cáo dưới tên của VinaSecurities – Macquarie, được phân phối bởi mạng lưới của Macquarie là mục tiêu ngắn hạn mà VinaSecurities nhắm đến cũng như kế hoạch sẽ cung cấp báo cáo phân tích công ty chuyên sâu cho tất cả các mã chứng khoán nhằm bao quát khoảng 100% vốn hóa của thị trường của chỉ số VN30.



Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá hoạt động kinh doanh

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát





Đánh giá hoạt động kinh doanh

Năm 2014 tiếp tục là một năm khó khăn đối với VinaSecurities trong bối cảnh ảnh hưởng bởi thị trường chứng khoán biến động mạnh trong cả năm do các yếu tố kinh tế trong và ngoài nước và yếu tố chính trị, mặc dù tình hình kinh tế được duy trì ổn định. Năm 2014 là năm có nhiều biến động ảnh hưởng cả tích cực lẫn tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của VinaSecurities.

Mặc dù thị trường chứng khoán có biến động mạnh trong cả năm, giá trị giao dịch trên cả hai sàn tăng mạnh so với năm ngoái, đặc biệt số lượng cổ phiếu giao dịch tăng hơn 80% so với năm 2013. Điều này tác động tích cực đến kết quả doanh thu của VinaSecurities, cùng với nỗ lực của bộ phận Môi giới, doanh thu Môi giới năm 2014 tăng mạnh 84% so với năm 2013 đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh. Năm 2014, hoạt động kinh doanh của bộ phận Môi giới có sự phát triển về doanh số, gia tăng số lượng khách hàng phục vụ, gia tăng số lượng khách hàng tổ chức mở tài khoản tại VinaSecurities, và các tiện ích và dịch vụ mới được phát triển và cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống giao dịch chứng khoán nâng cấp với nhiều tính năng mới, năng động linh hoạt hơn.

Tuy nhiên, hoạt động tư vấn doanh nghiệp trong năm 2014 có kết quả khá khiêm tốn. Bộ phận Tư Vấn đã thực hiện nhiều hoạt động tìm kiếm, thương thảo, tư vấn cho khách hàng, số lượng giao dịch thành công giảm hơn so với năm 2013.

Trong năm 2014, VinaSecurities tiếp tục thực hiện chính sách cắt giảm chi phí toàn diện. Những điều này giúp VinaSecurities giảm một cách đáng kể chi phí hoạt động, cải thiện tình hình tài chính, cải thiện chỉ số an toàn tài chính, tiếp tục duy trì và tăng trưởng doanh thu, từng bước đạt được kết quả kinh doanh khả quan hơn.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất tại VinaSecurities, có toàn quyền nhân danh VinaSecurities để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của VinaSecurities mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2014, VinaSecurities không có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Horst Joachim Franz Geicke	Chủ tịch	11 tháng 4 năm 2013	
Adrian Francis Cundy	Thành viên	16 tháng 12 năm 2010	
Hồ Nhân	Thành viên	11 tháng 4 năm 2013	

Bao gồm trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị có một thành viên là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành trong VinaSecurities.

Trong năm 2014, các cuộc họp của Hội đồng quản trị như sau:



Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Horst Joachim Franz Geicke	Chủ tịch	0	100%	
2	Adrian Francis Cundy	Thành viên	0	100%	
3	Hồ Nhân	Thành viên	0	100%	

Hội đồng quản trị đã đưa ra nhiều quyết định nhằm thực hiện kế hoạch phát triển trung và dài hạn của VinaSecurities và đưa chỉ đạo kịp thời về các nội dung chủ yếu sau:

- Phê duyệt chính sách và hạn mức rủi ro
- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.
- Thông qua báo cáo tài chính năm 2013
- Thông qua các kế hoạch, chiến lược kinh doanh, chính sách quản lý khác của VinaSecurities.
- Thông qua các vấn đề quản lý hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của VinaSecurities bao gồm ba thành viên theo quy định của Điều lệ VinaSecurities.

Trong năm 2014 thành viên Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Đặng Xuân Cảnh	Trưởng ban	26 tháng 12 năm 2012	
Nguyễn Văn Lâm	Thành viên	26 tháng 12 năm 2012	
Lê Nét	Thành viên	26 tháng 12 năm 2012	

Các thành viên Ban kiểm soát đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm bất kỳ chức danh điều hành nào tại VinaSecurities. Ban Kiểm soát hoàn toàn độc lập và không bị ảnh hưởng bởi Hội đồng quản trị hoặc/và Ban điều hành.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành VinaSecurities; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của VinaSecurities, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông;



- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VinaSecurities, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VinaSecurities bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Trong năm 2014, căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, VinaSecurities chỉ chi trả thù lao cho trường hợp Ban kiểm soát và không chi trả bất kỳ khoản thù lao nào cho các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nào sở hữu cổ phần của VinaSecurities.

Trong năm 2014, không có các giao dịch cổ phiếu hoặc chuyển nhượng phần vốn góp của VinaSecurities của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Trong năm 2014 không có phát sinh hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với VinaSecurities của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.



Báo cáo tài chính

[Báo cáo kiểm toán](#)

[Bảng cân đối kế toán](#)

[Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh](#)

[Báo cáo lưu chuyển tiền tệ](#)

[Thuyết minh báo cáo tài chính](#)



Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính của
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Grant Thornton (Vietnam) Limited
Ho Chi Minh City Office
28th Floor, Saigon Trade Center
37 Ton Duc Thang Street
District 1, Ho Chi Minh City
Vietnam

T +84 (8) 3910 9100
F +84 (8) 3914 3748
www.gt.com.vn

Số 14-21-021

**Kính gửi: Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Chứng khoán Vina**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Vina ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 11 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tại 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



ALAN VILLASANTA DY
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 2229-2014-017-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2015

PHẠM THỊ Tú OANH
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 1864-2014-068-1
Kiểm toán viên

**Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
			VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		17.774.072.130	19.783.557.481
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.036.772.946	17.612.863.400
Tiền	111	5	16.036.772.946	17.612.863.400
Các khoản phải thu	130		1.472.777.311	1.262.746.373
Các khoản phải thu	131	7	177.077.390	1.233.414.749
Ứng trước cho người bán	132		-	28.996.480
Phải thu từ các bên liên quan	133	27	1.295.305.000	-
Các khoản phải thu khác	138		394.921	335.144
Tài sản ngắn hạn khác	150		264.521.873	907.947.708
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	256.521.873	443.226.569
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	453.721.139
Tài sản ngắn hạn khác	158		8.000.000	11.000.000
Tài sản dài hạn	200		5.772.786.707	6.547.120.592
Tài sản cố định	220		3.544.356.041	4.376.355.709
Tài sản cố định hữu hình	221	9	196.327.262	306.925.894
- Nguyên giá	222		8.941.421.661	9.475.708.465
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.745.094.399)	(9.168.782.571)
Tài sản cố định vô hình	227	10	2.994.663.591	3.716.064.627
- Nguyên giá	228		7.247.559.438	7.247.559.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.252.895.847)	(3.531.494.811)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	353.365.188	353.365.188
Tài sản dài hạn khác	260		2.228.430.666	2.170.764.883
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	166.342.473	59.229.428
Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán	262	13	716.477.433	460.085.455
Tài sản dài hạn khác	268	14	1.345.610.760	1.651.450.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		23.546.858.837	26.330.678.073

Thuyết đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
			VND	VND
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả	300		5.594.911.800	6.459.601.950
Nợ ngắn hạn	310		5.594.911.800	6.459.601.950
Phải trả người bán	312		434.474.316	379.073.949
Người mua ứng trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	692.695.359	418.542.162
Phải trả nhân viên	315		-	63.570.000
Chi phí phải trả	316	16	1.036.681.129	1.150.954.261
Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	2.452.636.896	3.510.261.783
Phải trả cổ tức từ cổ phiếu và lãi trái phiếu	321		719.890	719.890
Các khoản phải trả khác	319	18	977.704.210	936.479.905
Nguồn vốn chủ sở hữu	400		17.951.947.037	19.871.076.123
Nguồn vốn	410		17.951.947.037	19.871.076.123
Vốn góp cổ phần	411	19,20	185.000.000.000	185.000.000.000
Quý dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	419	19	254.998.000	254.998.000
Lỗ lũy kế	420	19	(167.303.050.963)	(165.383.921.877)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		23.546.858.837	26.330.678.073

Thuyết đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tài khoản ngoài bảng

	Mã số	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
Ngoại tệ các loại	005		
- Đô la Mỹ		47.836	113.166
- Bảng Anh		-	-
Chứng khoán lưu ký (VND)	006	13.533.130.000	26.256.370.000
Trong đó:			
Chứng khoán giao dịch	007	13.527.130.000	26.235.980.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	13.527.130.000	14.248.480.000
- Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	11.987.500.000
Chứng khoán chờ thanh toán	027	6.000.000	-
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	6.000.000	-
Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	20.390.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	-	20.390.000
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết (VND)	050	227.400.000	350.850.000
- Chứng khoán giao dịch	051	227.400.000	350.850.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	227.400.000	350.850.000

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập:

DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng

Người duyệt:

LÂM THỊ TỐ NGA
Tổng Giám đốc**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	22	17.790.394.820	12.874.561.245
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		5.689.055.848	3.094.075.891
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		10.432.696.806	8.761.821.280
- Doanh thu khác	01.9		1.668.642.166	1.018.664.074
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		17.790.394.820	12.874.561.245
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	23	(12.452.638.654)	(15.954.803.339)
Lãi/(lỗ) gộp	20		5.337.756.166	(3.080.242.094)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(7.267.452.524)	(10.571.910.488)
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		(1.929.696.358)	(13.652.152.582)
Thu nhập khác	31	25	10.567.272	1.723.623.318
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		10.567.272	1.723.623.318
Lãi (lỗ) trước thuế	50		(1.919.129.086)	(11.928.529.264)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	-	-
Lãi (lỗ) thuần	60	19	(1.919.129.086)	(11.928.529.264)
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (đồng trên cổ phiếu)	70	21	(104)	(645)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập:

DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng

Người duyệt:

LÂM THỊ TỐ NGA
Tổng Giám đốc



Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Năm tài chính kết thúc				Số dư cuối năm	
		1 tháng 1 năm 2013	1 tháng 1 năm 2014	ngày 31 tháng 12 năm 2013		ngày 31 tháng 12 năm 2014		31 tháng 12 năm 2013	31 tháng 12 năm 2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn góp cổ phần	21	185.000.000.000	185.000.000.000	-	-	-	-	185.000.000.000	185.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	21	254.998.000	254.998.000	-	-	-	-	254.998.000	254.998.000
4. Lỗi lũy kế	21	(153.455.392.613)	(165.383.921.877)	(11.928.529.264)	-	(1.919.129.086)	-	(165.383.921.877)	(167.303.050.963)
Tổng cộng		31.799.605.387	19.871.076.123	(11.928.529.264)	-	(1.919.129.086)	-	19.871.076.123	17.951.947.037

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập:

DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng

Người duyệt:

LAM THỊ NGÀ
Tổng Giám đốc

Thuyết minh kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lãi/(lỗ) trước thuế	01	(1.919.129.086)	(11.928.529.264)
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và hao mòn	02	9,10	898.470.270
Lỗ do đánh giá lại tỷ giá ngoại tệ chưa thực hiện (Lãi) lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	04		385.434
Lãi tiền gửi	05		(10.567.272)
	06		(414.667.429)
			(468.465.555)
Lãi/(lỗ) hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			
	08		(1.445.508.083)
Thay đổi của các khoản phải thu	09		551.955.511
Thay đổi của các khoản phải trả	11		(864.690.150)
Thay đổi của các khoản chi phí trả trước	12		79.591.651
			343.311.435
Lưu chuyển tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh			
	20		(1.678.651.071)
			(8.640.623.196)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua tài sản cố định	21	9	(66.470.602)
Tiền thu từ việc thanh lý tài sản	22		10.567.272
Thu lãi tiền gửi	27		158.275.451
			468.465.555
Lưu chuyển tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư			
	30		102.372.121
			(70.321.740)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			
	50		(1.576.278.950)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		17.612.863.400
Ảnh hưởng đánh giá lại tỷ giá	61		188.496
			(1.540.024)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm			
	70		16.036.772.946
			17.612.863.400

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập:

DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng

Người duyệt:

LAM THỊ NGÀ
Tổng Giám đốc

Thuyết minh kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này



Thuyết minh báo cáo tài chính

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào năm 2006 dưới hình thức công ty cổ phần, ban đầu có 5 cổ đông sáng lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK – GPKNKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“SSC”) cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.

Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính
- Lưu ký chứng khoán

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 120 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có một văn phòng đại diện đặt tại tầng 5, số 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 22 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 26 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ và chuyển đổi ngoại tệ

Báo cáo tài chính của Công ty được lập sử dụng tiền Đồng Việt Nam (VND).

3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

4. Các chính sách kế toán trọng yếu

4.1 Tỷ giá hối đoái



Đồng tiền báo cáo của Công ty là Đồng Việt Nam (VND). Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí liên quan đến các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm phí bảo trì phần mềm, phí thuê văn phòng và các phí khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở đường thẳng trong vòng 1 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:



Cải tạo nâng cấp văn phòng	1 – 5 năm
Thiết bị, nội thất	1 – 3 năm
Thiết bị văn phòng	1 – 3 năm
Phương tiện vận tải	7 năm

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp tuyến tính từ 3 năm đến 8 năm.

4.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí phát sinh cho trong giai đoạn phát triển các tài sản cố định vô hình. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc phát triển đã hoàn thành, các chi phí liên quan đã được chuyển thành tài sản cố định vô hình và tài sản đó đã được đưa vào sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ bao gồm những tài sản sử dụng trong hoạt động thông thường của Công ty, có giá trị ít hơn 30 triệu đồng và không thỏa mãn các điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 được ban hành bởi Bộ Tài Chính để đưa ra các quy định về quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 1 năm đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm trả trước

Chi phí bảo hiểm trả trước liên quan đến các chi phí bảo hiểm trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 2 năm.

4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Chi phí phải trả và trích trước được ghi nhận tại giá trị sẽ chi trả trong tương lai cho các hàng hóa và dịch vụ sẽ nhận được, không liên quan đến việc Công ty đã được yêu cầu thanh toán chưa.

4.11 Phúc lợi cho nhân viên

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo luật Lao động Việt Nam và luật Bảo hiểm Xã hội, nhân viên của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc và khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Người lao động sẽ không được hưởng trợ cấp mất việc làm hoặc trợ cấp thôi việc cho thời gian họ đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp như đã được đề cập dưới đây trong Báo hiểm thất nghiệp.



Số dư khoản dự phòng trợ cấp thôi việc thể hiện khoản nợ ước tính cho kết quả làm việc của người lao động. Đối với người lao động là người Việt Nam, khoản dự phòng được tính trên cơ sở nửa tháng lương của mỗi nhân viên cho từng năm tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Đối với lao động là người nước ngoài, khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của nhân viên tại Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán bởi vì họ không tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 18% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Công ty không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ trợ cấp thất nghiệp.

4.12 Doanh thu

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ tại ngày bằng cân đối kế toán và hóa đơn phát hành cho khách hàng, trong trường hợp mà phần lớn rủi ro và quyền lợi đã chuyển cho người mua.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán, tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ cho thuê văn phòng

Thu nhập từ cho thuê lại một phần văn phòng được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần thể hiện mệnh giá của cổ phần đã được phát hành.

4.14 Các quỹ dự phòng

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự phòng theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:



	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Trong kỳ, Công ty không trích lập thêm quỹ dự trữ.

4.15 Chi phí thuế hoạt động (Các hợp đồng thuê)

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản trong đó tất cả các quyền lợi và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.16 Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra mà chắc chắn dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính đáng tin cậy.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ/ Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bằng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.18 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm những nhà đầu tư hiện tại và nhà đầu tư cũ.



Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bởi lãi/lỗ phân phối cho các cổ đông chia số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lại số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bằng cách giả định rằng các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.20 Các công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi lãi/lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

Xác định và thuyết minh về giá trị hợp lý

Theo thông tư 210 /2009 /TT-BTC, Công ty thuyết minh giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính cùng với giá trị ghi sổ trừ khi ảnh hưởng là không trọng yếu.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán, giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



Công ty không có công cụ tài chính được niêm yết trên thị trường hoạt động. Các công cụ tài chính không được niêm yết trên thị trường hoạt động được xác định bằng kỹ thuật định giá.

4.21 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Tiền mặt	43.718.907	40.825.111
Tiền gửi ngân hàng	15.993.054.039	17.572.038.289
Tiền gửi ngân hàng	13.340.918.268	13.867.137.172
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.652.135.771	3.704.901.117
	16.036.772.946	17.612.863.400

6. Đầu tư ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không sở hữu khoản đầu tư ngắn hạn nào. Các nghiệp vụ giao dịch của nhà đầu tư được ghi nhận là các nghiệp vụ ngoài bảng.

Thông tin liên quan của số lượng và giá trị giao dịch được trình bày như sau:

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2014		31 tháng 12 năm 2013	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch
	Cổ phần	VND	Cổ phần	VND
Đầu tư của công ty chứng khoán	75.240	2.875.340.000	-	-
Cổ phiếu	75.240	2.875.340.000	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-
Chứng khoán khác	-	-	-	-
Giao dịch của nhà đầu tư	55.737.136	2.561.795.088.480	17.991.058	1.152.749.064.600
Cổ phiếu	55.737.136	2.561.795.088.480	17.914.438	1.152.204.653.000
Trái phiếu	-	-	-	-
Chứng khoán khác	-	-	76.620	544.412.000
	55.812.376	2.564.670.428.480	17.991.058	1.152.749.064.600

7. Các khoản phải thu

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	40.928.440	88.200
Phải thu từ khách hàng khác	136.148.950	1.233.326.549
	177.077.390	1.233.414.749

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	443.226.569	786.602.435
Tăng trong năm	4.254.058.353	3.970.459.594



Phân bổ trong năm	(4.440.763.049)	(4.313.835.460)
Số dư cuối năm	256.521.873	443.226.569

9. Tài sản cố định hữu hình

	Cải tạo nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị nội thất VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.968.035.330	785.023.676	5.574.841.165	1.147.808.294	9.475.708.465
Mua trong năm	-	-	66.470.602	-	66.470.602
Thanh lý	-	(46.158.325)	(554.599.081)	-	(600.757.406)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.968.035.330	738.865.351	5.086.712.686	1.147.808.294	8.941.421.661
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>1.871.798.450</i>	<i>738.865.351</i>	<i>4.977.969.357</i>	<i>587.145.600</i>	<i>8.175.778.758</i>
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.875.006.346	785.023.676	5.530.330.326	978.422.223	9.168.782.571
Khấu hao trong năm	9.623.688	-	31.432.258	136.013.288	177.069.234
Thanh lý	-	(46.158.325)	(554.599.081)	-	(600.757.406)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.884.630.034	738.865.351	5.007.163.503	1.114.435.511	8.745.094.399
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	93.028.984	-	44.510.839	169.386.071	306.925.894
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	83.405.296	-	79.549.183	33.372.783	196.327.262

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	6.265.843.065	981.716.373	7.247.559.438
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.265.843.065	981.716.373	7.247.559.438
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>1.212.354.771</i>	<i>595.691.373</i>	<i>1.808.046.144</i>
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	2.841.560.939	689.933.872	3.531.494.811
Hao mòn trong năm	631.686.036	89.715.000	721.401.036
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.473.246.975	779.648.872	4.252.895.847
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	3.424.282.126	291.782.501	3.716.064.627
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.792.596.090	202.067.501	2.994.663.591

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Số đầu năm	353.365.188	46.912.500
Tăng trong năm	-	400.277.688
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	-	(93.825.000)



Số dư cuối năm	353,365,188	353.365.188
<i>Chi tiết:</i>		
Chi phí cho hệ thống website	353,365,188	353.365.188

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	59.229.428	12.275.000
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	-	45.106.336
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	-	1.783.661
Tăng trong năm	168.832.492	28.379.280
Phân bổ trong năm	(61.719.447)	(28.314.849)
Số dư cuối năm	166.342.473	59.229.428

13. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	716.477.433	460.085.455

14. Tài sản dài hạn khác

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng (*)	1.340.610.760	1.645.810.000
Ký quỹ dài hạn khác	5.000.000	5.000.000
	1.345.610.760	1.650.810.000

(*) Tiền đặt cọc thuê văn phòng chủ yếu là các khoản đặt cọc cho văn phòng tại số 120 Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

15. Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	88.681.973	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ cho nhân viên	286.340.699	358.300.152
Thuế nộp hộ cho khách hàng cá nhân	6.402.686	451.723
Thuế nộp hộ cho khách hàng tổ chức	273.758.523	22.065.349
Thuế nhà thầu nộp hộ nhà cung cấp	37.511.478	37.724.938
	692.695.359	418.542.162

16. Chi phí phải trả

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp phải trả	252.999.996	253.000.000
Chi phí ngày nghỉ phép chưa dùng hết của nhân viên	135.877.364	181.892.803
Lương tháng thứ 13	468.778.208	549.960.621
Chi phí phải trả khác	179.025.561	166.100.837
	1.036.681.129	1.150.954.261



17. Khoản phải trả do giao dịch chứng khoán

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với Trung tâm lưu ký chứng khoán	26.564.000	375.000
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2.426.072.896	3.509.886.783
	2.452.636.896	3.510.261.783

18. Phải trả, phải nộp khác

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và quỹ công đoàn	856.566.072	800.475.967
Trợ cấp thôi việc	119.985.750	132.200.750
Phải trả khác	1.152.388	3.803.188
	977.704.210	936.479.905

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp cổ phần	Lỗ lũy kế	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1 tháng 1 năm 2013	185.000.000.000	254.998.000	(153.455.392.613)	31.799.605.387
Lỗ thuần	-	-	(11.928.529.264)	(11.928.529.264)
31 tháng 12 năm 2013	185.000.000.000	254.998.000	(165.383.921.877)	19.871.076.123
1 tháng 1 năm 2014	185.000.000.000	254.998.000	(165.383.921.877)	19.871.076.123
Lỗ thuần	-	-	(1.919.129.086)	(1.919.129.086)
31 tháng 12 năm 2014	185.000.000.000	254.998.000	(167.303.050.963)	17.951.947.037

20. Vốn cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty là 185 tỷ đồng chia thành 18,5 triệu cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phiếu đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Quyết định số 360/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010.

Chi tiết cổ phiếu phát hành được trình bày như sau:

	31 tháng 12 năm 2014		31 tháng 12 năm 2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Phê chuẩn:				
Cổ phiếu thường	18.500.000	185.000.000.000	18.500.000	185.000.000.000
	18.500.000	185.000.000.000	18.500.000	185.000.000.000
Đã phát hành và thanh toán:				
Đầu năm	18.500.000	185.000.000.000	18.500.000	185.000.000.000
Cuối năm	18.500.000	185.000.000.000	18.500.000	185.000.000.000

Trong năm, Công ty không có sự thay đổi trong cấu trúc các cổ đông. Danh sách các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phê duyệt chi tiết như sau:



	Số lượng cổ phiếu	Số tiền VND	%
Bà Chu Đặng Ngọc Trinh	9.435.000	94.350.000.000	51,0
VinaSecurities Capital Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8
VinaSecurities Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8
VN Securities Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8
Saigon Capital Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8
VNS Capital Limited	1.813.000	18.130.000.000	9,8
	18.500.000	185.000.000.000	100

21. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

a) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được xác định bằng cách chia lãi/lỗ liên quan đến cổ đông của Công ty cho số lượng trung bình của cổ phiếu thường đang lưu hành trong năm.

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Lãi/(lỗ) thuộc về cổ đông	(1.919.129.086)	(11.928.529.264)
Số lượng trung bình của cổ phiếu thường đang lưu hành	18.500.000	18.500.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(104)	(645)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lại số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bằng cách giả định rằng các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển thành cổ phiếu phổ thông. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

22. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.689.055.848	3.094.075.891
Doanh thu hoạt động tư vấn	10.432.696.806	8.761.821.280
Doanh thu khác	1.668.642.166	1.018.664.074
	17.790.394.820	12.874.561.245

23. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Chi phí cho hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	1.005.110.785	665.944.242
Chi phí cho hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.447.527.869	15.288.859.097
Chi phí nhân công	4.375.016.806	6.374.117.603
Khấu hao và hao mòn	731.181.982	996.162.444
Các dịch vụ thuê ngoài	5.229.034.654	7.014.792.081
Chi phí khác	1.112.294.427	903.786.969
	12.452.638.654	15.954.803.339



24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.554.481.666	4.878.796.698
Dụng cụ văn phòng	257.206.867	270.725.933
Khấu hao và phân bổ	167.288.288	416.442.604
Chi phí thuê văn phòng	838.471.500	977.886.000
Dự phòng nợ khó đòi	-	1.881.167.500
Các dịch vụ thuê ngoài	939.330.085	1.333.387.849
Chi phí khác	510.674.118	813.503.904
	7.267.452.524	10.571.910.488

25. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ việc thanh lý tài sản cố định	10.567.272	-
Thu hồi khoản nợ phải thu đã xóa sổ (*)	-	1.723.397.500
Thu nhập khác	-	225.818
	10.567.272	1.723.623.318

(*) Trong năm 2013, Công ty đã xóa sổ khoản phải thu từ một khách hàng. Tuy nhiên, Công ty đã nhận tiền sau đó và ghi nhận khoản tiền đó là một khoản thu nhập khác.

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất 20% trên tổng thu nhập chịu thuế hàng năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên hoạt động có lãi và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Không có chi phí thuế TNDN được quy định trong báo cáo tài chính bởi vì Công ty đã phát sinh lỗ tính thuế trong năm. Việc tính thuế TNDN phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế địa phương.

Bảng đối chiếu thuế suất thực tế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Lỗ kế toán trước thuế	(1.919.129.086)	(11.928.529.264)
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty (20%)	(383.825.817)	(2.385.705.853)
Ảnh hưởng bởi:		
Chi phí không được trừ	(12.000.000)	20.370.910
Nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên các khoản chênh lệch tạm thời	(9.187.062)	(59.043.990)



Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên khoản lỗ thuế	405.012.879	2.424.378.933
Tổng chi phí thuế	-	-

Lỗ chịu thuế có thể được mang sang kỳ sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế tối đa 5 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ đó. Tổng lỗ thực tế có thể mang sang là kết quả kiểm toán thuế của cơ quan thuế địa phương.

Lỗ chịu thuế dùng để tính bù trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau được tính như sau:

Năm phát sinh	Quyết toán thuế	Lỗ được khấu trừ	Chuyển lỗ	Hết hạn	Lỗ được khấu trừ	Năm hết hạn
		thuế ước tính			thuế ước tính	
		VND	VND	VND	VND	
2010	Chưa quyết toán	35.953.429.593	-	-	35.953.429.593	2015
2011	Chưa quyết toán	26.950.628.766	-	-	26.950.628.766	2016
2013	Chưa quyết toán	12.121.894.666	-	-	12.121.894.666	2018
2014	Chưa quyết toán	2.025.064.395	-	-	2.025.064.395	2019
		77.051.017.420	-	-	77.051.017.420	

Không có khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận và ghi cho các khoản lỗ chịu thuế và khoản chênh lệch tạm thời nói trên vì không có khả năng Công ty sẽ có đủ thu nhập chịu thuế để sử dụng khoản lỗ được khấu trừ thuế nêu trên trước khi hết hạn.

27. Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
			VND	VND
Chu Đăng Ngọc Trinh	Cổ đông	Phí tư vấn	7.711.550.000	-
		Phí môi giới	35.303.788	19.880.740
Horst Joachim Franz Geicke	Chủ tịch HĐQT	Phí môi giới	14.410.912	4.427.940

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Phải thu
		VND
Chu Đăng Ngọc Trinh	Cổ đông	1.295.305.000

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 bằng không.

28. Thù lao Ban Giám đốc

Trong năm, thành viên Ban Giám đốc và các nhân sự chủ chốt khác có nhận khoản thù lao như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Lương	1.451.143.000	1.451.143.000

29. Cam kết

Tại ngày 31 tháng 12, Công ty có cam kết theo hợp đồng thuê văn phòng không hủy ngang với số tiền như sau:



	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Trong năm tiếp theo	2.753.359.180	906.425.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	660.000.000	-
	3.413.359.180	906.425.000

30. Mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro

Công ty đối mặt với nhiều loại rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính. Phân nhóm các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được trình bày ở Thuyết minh số 4.20. Các loại rủi ro chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Việc quản lý rủi ro của Công ty được thực hiện bởi Ban Giám đốc, tập trung vào việc bảo đảm dòng tiền ngắn và trung hạn của Công ty bằng cách giảm thiểu tối đa rủi ro thị trường tài chính.

Công ty không tham gia vào việc giao dịch các tài sản tài chính nhằm mục đích đầu cơ cũng như phát hành các hợp đồng quyền chọn. Các rủi ro tài chính lớn nhất mà Công ty đối mặt được trình bày dưới đây.

30.1 Rủi ro thị trường

Công ty đối mặt với rủi ro thị trường do việc sử dụng các công cụ tài chính, đặc biệt là rủi ro về tiền tệ phát sinh từ cả hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư.

Độ nhạy cảm với rủi ro tiền tệ

Phần lớn các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Rủi ro từ tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch mua dịch vụ từ nước ngoài mà chủ yếu được yết giá theo Đô la Mỹ.

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
	USD	USD
Tài sản tài chính	1.157.528.920	3.030.702.104
Nợ phải trả tài chính	-	20.111.500
Rủi ro ngắn hạn	1.157.528.920	3.050.813.604

Độ nhạy cảm của kết quả hoạt động kinh doanh thuần và vốn chủ sở hữu trong năm phát sinh từ tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty và tỷ giá hối đoái giữa Đô la Mỹ/ Đồng Việt Nam.

Giả định rằng tỷ giá hối đoái giữa Đô la Mỹ/ Đồng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 thay đổi +/- 1% (năm 2013: 1%). Sự thay đổi tỷ giá hối đoái này được xác định dựa trên biến động trung bình của tỷ giá hối đoái trên thị trường của 12 tháng vừa qua. Việc phân tích độ nhạy cảm được dựa trên các công cụ tài chính bằng ngoại tệ do Công ty nắm giữ tại ngày lập báo cáo tài chính, đồng thời có xem xét ảnh hưởng của các hợp đồng tỷ giá hối đoái kỳ hạn đến việc loại trừ ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá hối đoái.



Nếu VND tăng giá so với Đô la Mỹ là 1% (năm 2013: 1%) khi đó sự tăng giá này có các tác động sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
	USD	USD
Ảnh hưởng đến lãi (lỗ) thuần	(11.575.289)	(30.105.906)
Vốn chủ sở hữu	(11.575.289)	(30.105.906)

Nếu VND giảm giá so với Đô la Mỹ là 1% (năm 2013: 1%) thì sẽ có cùng mức ảnh hưởng như trên nhưng trái chiều, với giả định các nhân tố biến động khác được giữ nguyên không thay đổi, với giả định các nhân tố biến động khác được giữ nguyên không thay đổi

Rủi ro đối với tỷ giá hối đoái trong năm biến đổi tùy thuộc vào số lượng giao dịch với nước ngoài. Tuy nhiên phân tích được trình bày ở trên đã đại diện cho rủi ro đối với tỷ giá hối đoái của Công ty.

30.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của Công ty chỉ giới hạn ở phạm vi giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày lập báo cáo tài chính. Rủi ro tín dụng được trình bày sau đây:

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Phân loại tài sản tài chính – giá trị ghi sổ		
Tiền và tương đương tiền	15.993.054.039	17.572.038.289
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.472.777.311	1.233.749.893
	17.465.831.350	18.805.788.182

Ban giám đốc liên tục theo dõi rủi ro mất khả năng chi trả của khách hàng và các đối tác khác, bao gồm cá nhân và tổ chức, và kết hợp thông tin này với việc quản lý rủi ro tín dụng. Nếu có và với mức phí hợp lý, Công ty sử dụng các báo cáo xếp hạng tín dụng của khách hàng và đối tác từ nguồn đo bên thứ ba thực hiện. Công ty có chính sách là chỉ giao dịch với các đối tác đáng tin cậy.

Ban Giám đốc cho rằng tất cả các tài sản tài chính ở trên không bị suy giảm giá trị tại mỗi ngày báo cáo sau khi xem xét chất lượng tín dụng tốt, bao gồm cả những tín dụng quá hạn. Tại ngày 31 tháng 12 Công ty có một số khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa được thu về tại ngày hết hạn hợp đồng nhưng không cho rằng bị suy giảm giá trị. Khoản tiền phải thu tại ngày 31 tháng 12, được phân tích theo thời gian đáo hạn như sau:

	31 tháng 12 năm 2014	31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Không quá 3 tháng	1.472.777.311	1.233.414.749

Không tài sản tài chính nào được đảm bảo bằng tài sản thế chấp hoặc các biện pháp tín dụng khác.

30.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý nhu cầu thanh toán tiền mặt bằng cách giám sát chặt chẽ lịch trả nợ đối với các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn cũng như nhu cầu tiền chi ra cho hoạt động hàng



ngày của Công ty. Nhu cầu thanh toán tiền mặt được theo dõi theo nhiều khoảng thời gian khác nhau, trên cơ sở hàng ngày, hàng tuần hoặc dự toán cho 30 ngày. Nhu cầu thanh toán tiền mặt dài hạn cho khoảng thời gian 180 ngày và 360 ngày được xác định hàng tháng. Công ty duy trì tiền mặt và các chứng khoán có tính thanh khoản cao nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán tiền mặt cho khoảng thời gian 30 ngày.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản nợ với thời gian đáo hạn được trình bày dưới đây:

31 tháng 12 năm 2014	Ngắn hạn	Dài hạn	
Trong vòng 6 tháng	6 đến 12 tháng	1 đến 5 năm	
VND	VND	VND	
Phải trả người bán	434.474.316	-	-
Thuế và các khoản phải trả Ngân sách Nhà nước	692.695.359	-	-
Chi phí phải trả	1.036.681.129	-	-
Phải trả hoạt động mua bán chứng khoán	2.452.636.896	-	-
Phải trả cổ tức cổ phiếu, lãi trái phiếu	719.890	-	-
Phải trả khác	857.718.460	119.985.750	-
	5.474.926.050	119.985.750	-

Cho mục đích so sánh:

31 tháng 12 năm 2013	Ngắn hạn	Dài hạn	
Trong vòng 6 tháng	6 đến 12 tháng	1 đến 5 năm	
VND	VND	VND	
Phải trả người bán	379.073.949	-	-
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước	418.542.162	-	-
Chi phí phải trả	1.150.954.261	-	-
Phải trả hoạt động mua bán chứng khoán	3.510.261.783	-	-
Phải trả cổ tức cổ phiếu, lãi trái phiếu	719.890	-	-
Phải trả khác	804.279.155	132.200.750	-
	6.263.831.200	132.200.750	-

31. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính

Hầu hết các tài sản tài chính và nợ tài chính của Công ty có bản chất ngắn hạn nên giá trị hợp lý xấp xỉ gần bằng giá trị ghi sổ. Thông thường, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sẽ được trình bày nhưng do không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Công ty đã không trình bày thuyết minh này. Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 200/2014/TT-BTC đã được ban hành bởi Bộ Tài chính có hiệu lực trong năm 2015. Theo đó, yêu cầu về thuyết minh giá trị hợp lý đã được bỏ. Ban Giám đốc tin rằng việc lược bỏ thuyết minh về giá trị hợp lý trong năm 2014 và 2013 là phù hợp mặc dù việc thay đổi này được thực hiện trong năm 2015.

32. Các sự kiện xảy ra sau ngày báo cáo tài chính

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ nào ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty như được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12



năm 2014 hay kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

33. **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được thông qua bởi Ban Giám đốc và được phê duyệt phát hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập:

DƯƠNG HỮU CHINH
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty